TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮKLẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày 19/3/2019.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN -TỈNH ĐẮKLẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Tuyết.
Hội thẩm nhân dân:
- Bà Nguyễn Thị Vân Anh
- Ông Phan Văn Trường.

Thư ký phiên toà: Ông Đinh Ngọc Lương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tuấn Anh– Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắklắk xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2018/TLST-DS ngày 10/12/2018. Về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-KDTM ngày 11/02/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông.
Địa chỉ: 45 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật; ông Trịnh Văn Tuấn; chức vụ - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Trọng Th - Chức vụ: Giám đốc bán lẻ - Chi nhánh ĐắkLắk,

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Hải M - Phòng thu hồi nợ - Trung tâm xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Phương Đông.

(Theo giấy ủy quyền số 100/2018 ngày 30/10/2018 - có mặt)
Địa chỉ: 269 Lê Hồng Phong, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk (có mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn T – Sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị L – Sinh năm 1964;

Địa chỉ: Thôn 5, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn, tỉnh ĐắkLắk - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Đại diện ủy quyền cho nguyên đơn ông Hoàng Hải M T bày: Ngày 10/4/2015 Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt

là Ngân hàng) đã ký hợp đồng tín dụng số 0308/2015/HĐTD-CN với ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L. Ngân hàng đồng ý cho ông T, bà L vay số tiền là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh vườn ươm cây giống; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 10%/ năm, lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng một lần. Tài sản đảm bảo cho khoản vay ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L đã thế chấp cho Ngân hàng thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02; Địa chỉ: Thôn 5, xã Eawer, Huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 239344 do UBND Huyện Buôn Đôn cấp ngày 18/11/2011 cho ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L, theo hợp đồng thế chấp số 0122/2014/BĐ ngày 02/04/2014 và đã được văn phòng công chứng Đắk Lắk, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk chứng thực và đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định.

Tiếp đến ngày 27/05/2015 hai bên tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 0470/2015/HĐTD-CN, Ngân hàng đồng ý cho ông T, bà L vay số tiền là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh vườn ươm cây giống; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 10%/ năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L đã thế chấp cho Ngân hàng Thửa đất số 313, tờ bản đồ số 02, Địa chỉ:Thôn 06, xã Eawer, huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 203500 do UBND Huyện Buôn Đôn cấp ngày 17/12/2010 cho ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L, theo hợp đồng thế chấp số 035/2012/BĐ ngày 03/02/2012 và đã được Văn phòng Công chứng Đắk Lắk, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk chứng thực và đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định.

Sau đó ngày 5/10/2015 Ngân hàng tiếp tục ký thêm hợp đồng tín dụng số 0887/2015/HĐTD-CN với ông T, bà L. Ngân hàng đồng ý cho ông T, bà L vay thêm số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu đồng). Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh vườn ươm cây giống; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 10,5%/ năm và ông T, bà L đã ký giấy nhận nợ và số tiền trên tại Ngân hàng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là: Thửa đất số 304, tờ bản đồ số 02; Địa chỉ: Thôn 05, xã Eawer, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 203141 do UBND Huyện Buôn Đôn cấp ngày 27/09/2010 cho bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Thanh T. Ngày 12/09/2014, bà X, ông T đã sang nhượng toàn bộ thửa đất cho ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L. Ngày 26/09/2014, ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L thế chấp để vay vốn Ngân hàng, theo Hợp đồng thế chấp số 0530/2014/BĐ và đã được văn phòng công chứng Đắk Lắk, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Từ thời điểm nhận nợ đến nay ông T và bà L không trả nợ cho Ngân hàng đã bỏ trốn khỏi địa phương. Mặc dù, Ngân hàng đã thông báo tìm kiếm ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L trên phương tiện thông tin đại chúng, đã được Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn chấp nhận yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông theo Quyết định số: 06/2017/QĐST- VDS ngày 17/11/2017.

Việc tìm kiếm không có kết quả, ông T bà L vẫn vắng mặt tại địa phương, việc thực hiện trả nợ đã quá kỳ hạn. Để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, Ngân hàng TMCP Phương Đông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xem xét, giải quyết và buộc ông T và bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, cụ thể: Tạm tính đến ngày 19/3/2019 ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L nợ Ngân hàng số tiền 03 khoản là:

- Nợ gốc: 420.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 26.058.749 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 218.012.431đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 664.071.180 đồng (Sáu trăm sáu mươi tư triệu, không trăm bảy mươi mốt nghìn, một trăm tám mươi đồng) và số tiền lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất được quy định tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 20/3/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án cho phát mãi tài sản mà ông T và bà L đã thế chấp tại Ngân hàng theo các Hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ Ngân hàng.

* Bị đơn ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L đã được thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú nhưng vẫn không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn không tới Tòa án để tham gia tố tụng nên không tiến hành hòa giải được .

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, Điều 465; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L.

Buộc bị đơn ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả nợ choNgân hàng TMCP Phương Đông số tiền tính đến ngày 19/3/2019 là:

- Nợ gốc: 420.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 26.058.749 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 218.012.431đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 664.071.180 đồng (Sáu trăm sáu mươi tư triệu, không trăm bảy mươi mốt nghìn, một trăm tám mươi đồng)và số tiền lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất được quy định tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 19/3/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét việc nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phương Đông khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L ra Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh vườn ươm cây giống, ông Đỗ Văn T có đăng ký kinh doanh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngân hàng đã tiến hành thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông T, bà L về tại địa phương để tham gia giải quyết vụ án. Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T, bà L nhiều lần nhưng ông T, bà L không lên tòa làm bản tự khai; cũng như để Tòa án hòa giải theo quy định nên Tòa án không tiến hành hòa giải được; Tại phiên tòa hôm nay ông T, bà L vắng mặt không lý do là lần thứ hai nên Tòa án tiến hành phiên tòa sơ thẩm để giải quyết yêu cầu của Ngân hàng đối với ông T, bà L là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 .

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy :

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có cơ sở: Cụ thể vào các ngày 10/4/2015 Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk đã ký hợp đồng tín dụng số 0308/2018/HĐTD - CN với ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L, cho ông T, bà L vay số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tiếp đến ngày 27/5 /2015 hai bên tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 0470/2015/HĐTD- CN, Ngân hàng đồng ý cho ông T, bà L vay số tiền là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu đồng). Sau đó ngày 5/10/2015 Ngân hàng tiếp tục ký thêm hợp đồng tín dụng số 0887/2015/HĐTD-CN với ông T, bà L. Ngân hàng đồng ý cho ông T, bà L vay thêm số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu đồn). Ông T, bà L đã ký giấy nhận nợ và số tiền trên tại Ngân hàng. Tổng cộng 03 hợp đồng Ngân hàng cho ông T bà L vay số tiền gốc là 420.000.000 đồng.

Quá T thực hiện hợp đồng ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Từ thời điểm nhận nợ đến nay ông T và bà L không trả nợ cho Ngân hàng đã bỏ trốn tại địa phương. Ngân hàng đã thông báo tìm kiếm ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L trên phương tiện thông tin đại chúng. Việc tìm kiếm không có kết quả, ông T bà L vẫn vắng mặt tại địa phương, việc thực hiện trả nợ đã quá kỳ hạn. Ngân hàng TMCP Phương Đông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk giải quyết và buộc ông T và bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 19/3/2019 bao gồm: Nợ gốc: 420.000.000 đồng

- Nợ lãi trong hạn: 26.058.749 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 218.012.431đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 664.071.180 đồng (Sáu trăm sáu mươi tư triệu, không trăm bảy mươi mốt nghìn, một trăm tám mươi đồng) và số tiền lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất được quy định tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày

19/3/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là hoàn toàn có căn cứ nên cần chấp nhận là phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 465; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Xét hợp đồng thế chấp là các bất động sản tại địa chỉ cụ thể:

- Thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, thuộc Thôn 5 xã Eawer, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 239344 do UBND Huyện Buôn Đôn cấp ngày 18/11/2011 cho ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L.

- Thửa đất số 313, tờ bản đồ số 02, Thôn 06, xã Eawer, huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 203500 do UBND Huyện Buôn Đôn cấp ngày 17/12/2010 cho ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L.

- Thửa đất số 304, tờ bản đồ số 02 Thôn 05, xã Eawer, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 203141 do UBND Huyện Buôn Đôn cấp ngày 27/09/2010.

Các hợp đồng thế chấp giữa ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L với ngân hàng đã được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L không tự nguyện trả nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành phát mãi tài sản mà ông T, bà L đã thế chấp phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là phù hợp quy định tại Điều 317, Điều 318, 319, 320 Điều 322, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP Phương Đông không phải chịu án phí, nên nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

1/ Điều luật áp dụng:

Áp dụng: khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 317, Điều 318, 319,320 Điều 322, khoản 7 Điều 323; Điều 463, Điều 465; Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015 .

- Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng 2010 .

- Điều 1 thông tư 12/2010/ TT – NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phương Đông.

Buộc vợ chồng ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh ĐắkLắk: Tính đến ngày 19/3/2019 số tiền là:

- Nợ lãi trong hạn: 26.058.749 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 218.012.431đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 664.071.180đồng (Sáu trăm sáu mươi tư triệu, không trăm bảy mươi mốt nghìn, một trăm tám mươi đồng). Kể từ ngày 20/3/2019 ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

Trường hợp ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông – Chi nhánh ĐắkLắk có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành phát mãi tài sản mà ông T, bà L đã thế chấp là các bất động sản tại địa chỉ cụ thể:

- Thửa đất số 146; tờ bản đồ số 02; địa chỉ: Thôn 5 xã Eawer, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 239344 do UBND Huyện Buôn Đôn cấp ngày 18/11/2011.

- Thửa đất số 313, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Thôn 06, xã Eawer, huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 203500 do UBND Huyện Buôn Đôn cấp ngày 17/12/2010.

- Thửa đất số 304, tờ bản đồ số 02; địa chỉ: Thôn 05, xã Eawer, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 203141 do UBND Huyện Buôn Đôn cấp ngày 27/09/2010 để thu hồi nợ.

3/Án phí: Ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L phải chịu: 30.562.800đ (Ba mươi triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Phương Đông số tiền tạm ứng án phí là :14.689.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn đồng) mà ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0002935 ngày 10/12/2018 Tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh ĐắkLắk .

4/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả th uận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Tuyết

Nơi nhận:
- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- VKS huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.